

Bản án số: 139/2022/DS-PT

Ngày: 07/6/2022

**V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản
và yêu cầu hủy QĐ cá biệt*”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Ông Nguyễn Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLPT-DS về việc ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1679/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 01, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Phúc T - Công ty Luật TNHH MTV M. Địa chỉ: Phòng 605 Chung cư số 1 đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** *Bị đơn:*** Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 01, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Văn Đ - Văn phòng Luật sư H1, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1978. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn Phước Th, sinh năm 1983. Có Đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho ông Nguyễn Phước Th2 (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2022).
- Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1987. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn Phước Th2, sinh năm 1992. Có mặt.
- Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1964. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Trà Nh, sinh năm 1991. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Th3, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 01, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của bà T2, bà Nh, bà Th3: Ông Nguyễn Đức P. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 02B, thôn Q1, xã B, huyện T3, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 15, thôn 03, xã Bình Lãnh, huyện T3, tỉnh Quảng Nam. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Vĩnh K, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 01, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Thị trấn T4, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H5 - Trưởng phòng TN-MT. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có Đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo, kháng nghị: Ông Nguyễn Đức P, ông Nguyễn Phước Th, bà Ngô Thị T2, bà Nguyễn Thị Trà Nh, bà Nguyễn Thị Hoàng Th3; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên trước đây cha mẹ bà A là ông Nguyễn Đức Đ1 và bà Võ Thị G, sinh được 11 người con. Trong đó: Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức T5, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thị Th3 chết trước cha mẹ bà (chết khi còn nhỏ khi chưa có

vợ, chồng con); Nguyễn Đức T6, Nguyễn Đức Ng chết (chết khi chưa có vợ, con) sau cha bà nhưng trước mẹ bà. Hiện nay chỉ còn ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị U còn sống. Cha mẹ bà tạo lập được khu vườn và xây dựng căn nhà cấp 4 tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05 tại thôn V, B, H. Cha bà chết năm 1980, sau khi cha bà chết thì mẹ bà sống chung với bà và con bà trên căn nhà của cha mẹ. Đến năm 2008 gia đình ông P về sống chung. Tuy nhiên, ông P kê khai gian dối tài sản của cha mẹ bà và đã được UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Việc UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất cho ông P có tài sản của cha mẹ bà là không đúng quy định pháp luật. Mẹ bà chết năm 2016. Cha mẹ bà chết không để lại di chúc, bà đã thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với ông P nhưng không được.

Nay bà Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSD đất do UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Đức P đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam; Chia phần di sản của cha mẹ bà để lại là nhà và đất hiện nay còn lại khoảng 750m². Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia phần di sản là nhà và đất hiện nay là 825m² tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật. Phần di sản bà yêu cầu được Tòa án chia có giá trị khoảng 100.000.000 đồng.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đức P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông trình bày:

Sau ngày giải phóng cha ông P (ông Nguyễn Đức Đ1), ông T6 và ông P về lại quê cũ, được Ban Nông hội thôn 9, B do ông Nguyễn V làm thôn trưởng bố trí cho gia đình ông được ở khu vườn trước đây của ông Trương Sử. Mẹ ông P và các em ông vẫn ở lại Hà Lam buôn bán cho đến khi lập lại chợ V bà và các em mới về. Sau một thời gian khá lâu, ông Sử có về quê, Ban thôn có đưa ông Sử đến thương lượng với gia đình ông là toàn bộ hoa màu, cây ăn trái trong vườn do gia đình ông P sử dụng, sở hữu, còn 05 cây bồ kết thì ông Sử thu hoạch.

Sau đó, ông Sử không sử dụng nữa, gia đình ông quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất này.

Năm 1997, theo chủ trương chung Nhà nước cấp, Giấy CNQSD đất, hộ gia đình ông P được cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Về ngôi nhà, gia đình ông làm một ngôi nhà tranh vách đất để ở. Năm 1978 nhà bị mối mọt, ông P làm lại ngôi nhà 4 cột gỗ, vách đất. Năm 1993, nhà tranh bị gió xoáy làm hư hỏng, ông làm lại ngôi nhà sườn gỗ, tường xây không tô, lợp ngói, diện tích khoảng

35m². Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà là em ruột của bà A và ông P, bà thống nhất với nguyên đơn là nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại. Sau đó được UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Đức P vào năm 1997. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu được nhận phần giá trị tài sản hay hiện vật đều được.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà là em ruột của bà A, ông P, bà yêu cầu được nhận phần tài sản chia thừa kế theo pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà là em ruột của bà A, ông P, bà thống nhất với nguyên đơn là nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại. Sau đó được UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Đức P vào năm 1997 là không đúng pháp luật. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu được nhận phần thừa kế tài sản và tặng lại toàn bộ cho em ruột là bà Nguyễn Thị A. Vì hoàn cảnh bà A rất đáng thương tâm, đang bị bệnh nặng và hiện nay 02 mẹ con chưa có đất để làm nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Đức Th, bà Nguyễn Thị Th1 và ông Nguyễn Đức Th2 (là vợ, con của ông Nguyễn Đức T6 đã chết) trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Đức T6 chưa được hưởng bất cứ quyền lợi gì của ông Nguyễn Đức Đ1 và bà Võ Thị G chết để lại. Mọi tài sản vợ chồng ông Đ1, bà G chết để lại đều do ông Nguyễn Đức P chiếm đoạt hết. Khi bà G còn sống có nói sẽ để lại cho gia đình ông Nguyễn Đức T6 một nền đất, nhưng ông P vẫn không thực hiện. Gia đình ông Nguyễn Đức T6 khẳng định: Ngôi nhà trệt, sườn gỗ mái ngói, nền xi măng diện tích xây dựng 36,5m² nằm trên thửa đất số 231 diện tích đất 825m² thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đức Đ1 và bà Võ Thị G. Các ông bà cũng đồng ý chia tài sản nhà và đất của ông Nguyễn Đức Đ1 và bà Võ Thị G chết để lại theo pháp luật. Riêng kỷ phần của ông Nguyễn Đức T6 chết (có vợ bà Nguyễn Thị Đ và 03 người con là ông Nguyễn Đức Th, bà Nguyễn Thị Th1 và ông Nguyễn Đức Th2) là thừa kế thế vị do ông Nguyễn Đức Th đại diện nhận.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vĩnh K trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết

theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H trình bày:

Tại sổ Địa chính do UBND xã B lập ngày 10/12/1997, được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam) phê duyệt ngày 15/12/1997 thể hiện thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05 tại thôn 09 (sau này đổi thành thôn NĐ và nay là thôn V) người đứng tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Đức P, đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất 1.055m², loại đất (ở + vườn) vào tháng 11/1997. Vào năm 2011, hộ ông Nguyễn Đức P và bà Ngô Thị T2 có chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 230m², thửa đất 231a (tách thửa đất trong phần diện tích 1.055m² của thửa đất số 231) cho hộ ông Nguyễn Tấn C2 và bà Lê Thị D1, được Chủ tịch UBND xã B chứng thực vào ngày 07/01/2011 và đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tấn C2 và bà Lê Thị D1 vào ngày 19/8/2011, tại GCN số 462294. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế diện tích 750m² tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05 tại thôn V, xã B thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 623, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”.

- Hủy Giấy CNQSD đất do UBND huyện H cấp tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Đức P vào ngày 01/12/1997 đối với diện tích 825m².

Diện tích 270,6m² (Khu 1) (có giá trị 676.500.000 đồng) tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 5, tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ kèm theo) và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm: Ngôi nhà cấp 4, diện tích xây dựng 152,3m² và các vật kiến trúc gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Đức P. Vợ chồng ông Nguyễn Đức P phải bồi trả kỷ phần vượt cho bà Nguyễn Thị M là 313.579.100 đồng. (Ba trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn một trăm đồng)

Diện tích 348,8m² (Khu 2) tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 5 tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ kèm theo) và toàn bộ tài sản gắn liền trên

đất gồm: Ngôi nhà trệt, sườn gỗ mái ngói diện tích xây dựng 36,5m² (có tổng giá trị 904.864.400 đồng) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị A. Bà Nguyễn Thị A phải bồi trả kỷ phần vượt là 211.887.000 đồng (Hai trăm mười một triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng) cho ông Nguyễn Đức Th. Bà Nguyễn Thị A phải trả công duy tu, sửa chữa ngôi nhà là 16.432.200 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn hai trăm đồng) cho ông Nguyễn Đức P.

Diện tích 205,6m² (Khu 3) tại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 5 tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ kèm theo) (có tổng giá trị 514.000.000 đồng) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị U. Bà Nguyễn Thị U phải bồi trả kỷ phần vượt (167.511.300 đồng), trong đó cho ông Nguyễn Đức Th 134.601.700 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm lẻ một nghìn bảy trăm đồng) và trả cho bà Nguyễn Thị M 32.909.600 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03, 06, 08 tháng 12 năm 2021, ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Trà Nh, Nguyễn Thị Hoàng Th3, Ngô Thị T2, kháng cáo bản án sơ thẩm số 67/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có cùng nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 23/5/2022, bị đơn ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Trà Nh, Nguyễn Thị Hoàng Th3, Ngô Thị T2 có đơn xin rút một phần kháng cáo đề nghị: Hủy một phần Bản án sơ thẩm về việc hủy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông ngày 01/12/1997 diện tích 825 m²; sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu của bà A về việc chia thừa kế về diện tích 750 m², chấp nhận yêu cầu của bà A về chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất của bà Võ Thị G.

Ông Nguyễn Phước Th kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Thay đổi người được nhận hiện vật chia cho tôi được nhận 205,6m² đất (khu3); tôi có nghĩa vụ bồi trả cho bà U 134.601.700 đồng, trả cho bà M 32.909.600 đồng; buộc bà A bồi trả kỷ phần cho bà U 211.887.000 đồng.

Ngày 10/12/2021, Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam kháng nghị đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và bị đơn ông Nguyễn Đức P trình bày: Về nhà đất trước đây, sau giải phóng 1975 do cha tôi ông

Nguyễn Đức Đ1 đứng chủ hộ, tôi khi đó 15 tuổi cha chết năm 1980, sau khi cha mất mẹ tôi bà Võ Thị G đứng tên chủ hộ; cha tôi trước khi lấy mẹ tôi đã có vợ trước và có hai con nhưng đều chết khi con nhỏ và chưa có vợ con gì; về nhà thì thực tế chỉ có hai ngôi nhà; khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm tháng 12/1997 UBND huyện H đã cấp đất cho hộ gia đình Tôi gồm có 8 (tám) người với diện tích 1.055 m²: Tôi Nguyễn Đức P chủ hộ, bà Võ Thị G (mẹ tôi), bà Ngô Thị T2 (vợ), Nguyễn Thị A (em), Nguyễn Thị U (em), Nguyễn Thị Trà Nh (con), Nguyễn Hoàng Th3 (con) và Cao Vĩnh K (cháu). Nếu chia thừa kế đất theo tôi chỉ nên chia 750 m² đất; đề nghị chấp nhận kháng cáo của tôi, sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế; đối với kháng cáo của Nguyễn Phước Th đề nghị nhận hiện vật là đất và thối lại giá trị cho bà U đề nghị không chấp nhận vì tôi thờ cúng cha mẹ còn các chị em gái đóng góp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Nguồn gốc nhà đất là của cha mẹ tôi, Tòa án sơ thẩm đã phân chia là đúng pháp luật, đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Phước Th2 trình bày: Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm chia cho ông Nguyễn Phước Th được nhận bằng hiện vật là diện tích đất của bà Nguyễn Thị U và ông Th thối trả lại giá trị cho bà U vì ông Nguyễn Phước Th là con của anh đầu nên cần có đất để làm nhà thờ. Bà Nguyễn Thị U không đồng ý yêu cầu nhận bằng hiện vật của ông Nguyễn Đức Th và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã làm rõ được những vấn đề mà kháng nghị nêu, rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng nam, bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ và đúng pháp luật; đề nghị Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi làm rõ những nội dung mà Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã nêu, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, do đó Hội đồng

xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 284 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[2] Xét kháng cáo của các đương sự, thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất do UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Đức P đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam:

Tại Đơn khởi kiện và các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự có mặt đều thống nhất: Ông Nguyễn Đức Đ1 chết năm 1980, có vợ là bà Võ Thị G chết năm 2016, không để lại di chúc. Vợ chồng ông Đ1 có 11 người con chung. Trong đó: Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức T5, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Th3 và Nguyễn Đức Nguyễn chết khi còn nhỏ; Nguyễn Đức T6 chết năm 1993 (có vợ bà Nguyễn Thị Đ, có 03 người con là: Ông Nguyễn Đức Th, bà Nguyễn Thị Th1 và ông Nguyễn Đức Th2), ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị U. Thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.055m² tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam là của cha mẹ (ông Nguyễn Đức Đ1 và vợ bà Võ Thị G) ông Nguyễn Đức P. Tại Công văn số 671/UBND ngày 15/11/2021, UBND xã B đã xác định: Nguồn gốc thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.055m² tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam là do hộ gia đình ông Nguyễn Đức Đ1 (cha ông Nguyễn Đức P) khai hoang, sử dụng từ trước năm 1997. Đến năm 1997 được UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Đức P; nên Tòa án sơ thẩm xác định: Thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.055m² tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam là tài sản của ông Nguyễn Đức Đ1 và bà Võ Thị G là có căn cứ. Việc UBND huyện H cấp thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Đức P vào ngày 01/12/1997 là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế của ông Nguyễn Đức Đ1 và bà Võ Thị G. Tòa án sơ thẩm đã hủy Giấy CNQSD đất do UBND huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn Đức P đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam vào ngày 01/12/1997 là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức P yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm về phần hủy Giấy chứng nhận UBND huyện H đã cấp cho hộ ông Nguyễn Đức P ngày 01/12/1997 mà giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

[2.2] Tại phiên tòa các đương sự có mặt đều thừa nhận: Các ông bà có nghe nói lại thông tin trước khi kết hôn với bà Võ Thị G, ông Nguyễn Đức Đ1 có vợ (nhưng không biết họ, tên) và 02 người con đã chết khi còn nhỏ. Tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A (BL 01), Bản tự trình bày của bị đơn ông Nguyễn Đức P (BL 37), bản tự khai của bà Nguyễn Thị H1 (BL 48) và tại phiên

tòa sơ thẩm tất cả các đương sự có mặt đều thừa nhận: Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức T5, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Th3 và Nguyễn Đức Nguyễn và Nguyễn Đức T6 đều đã chết; có người chết chỉ sau khi sinh có 03 ngày nên không ai cấp được giấy chứng tử. Tại thời điểm UBND huyện H cấp thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.055m^2 tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam cho hộ ông Nguyễn Đức P vào tháng 12/1997, hộ ông Nguyễn Đức P có 08 người: Ông Nguyễn Đức P (chủ hộ), bà Võ Thị G (mẹ ông P), bà Ngô Thị T2 (vợ ông P), bà Nguyễn Thị A (em ông P), bà Nguyễn Thị U (em ông P), Nguyễn Thị Trà Nh (con ông P), Nguyễn Hoàng Th3 (con ông P) và Cao Vĩnh K (cháu ông P và là con bà A). Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (BL 64, 65) và tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có mặt đều thừa nhận: Trên diện tích 825m^2 đất các đương sự yêu cầu chia thừa kế chỉ có 02 ngôi nhà: Ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng $152,3\text{m}^2$ thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Nguyễn Đức P các đương sự không tranh chấp và ngôi nhà trệt, sườn gỗ mái ngói, nền xi măng diện tích xây dựng $36,5\text{m}^2$ các đương sự tranh chấp. Tại Đơn khởi kiện đầu tiên (BL 01) nguyên đơn bà Nguyễn Thị A yêu cầu: Chia phần di sản của cha, mẹ để lại thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.055m^2 . Sau khi sửa đổi, bổ sung đơn theo thông báo của Tòa án thì bà Nguyễn Thị A chỉ yêu cầu: Chia phần di sản của cha, mẹ để lại là thửa đất số 231, tờ bản đồ số 05, diện tích đất của cha, mẹ còn để lại khoảng 750m^2 ; do bà A không biết được ông P đã chuyển nhượng bao nhiêu. Tuy nhiên, sau khi đo đạc và biết được diện tích đất còn lại 825m^2 , tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/4/2021 (BL 82, 83, 84) bà A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã yêu cầu chia phần di sản của cha mẹ để lại là 825m^2 . Do đó không chấp nhận kháng cáo của các đương sự ông Nguyễn Đức P, Ngô Thị T2, Nguyễn Thị Trà Nh, Nguyễn Hoàng Th3 và giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm.

[2.3] Về di sản thừa kế của cha mẹ là ông Nguyễn Đức Đ1, bà Võ Thị G và những người thừa kế; công sức tôn tạo, giữ gìn và quản lý di sản thừa kế; cách chia bằng hiện vật và theo giá trị, chi phí tố tụng như Bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật; đối với ông Nguyễn Phước Th kháng cáo xin được nhận hiện vật thay bà Nguyễn Thị U; tại phiên tòa bà U không chấp nhận đổi lấy theo giá trị như yêu cầu kháng cáo của ông Th; ông Th kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới cho rằng kháng cáo là có căn cứ; do đó không chấp nhận kháng cáo của các đương sự ông Nguyễn Đức P, Ngô Thị T2, Nguyễn Thị Trà Nh, Nguyễn Hoàng Th3 và ông Nguyễn Phước Th, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Đức P là người cao tuổi, nên cũng được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 284, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-DS ngày 10/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Trà Nh, bà Nguyễn Thị Hoàng Th3, bà Ngô Thị T2 và ông Nguyễn Phước Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/DS-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 08/2021/QĐ-SCBSBA ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức P không phải chịu.

Bà Nguyễn Thị Trà Nh, bà Nguyễn Thị Hoàng Th3, bà Ngô Thị T2, ông Nguyễn Phước Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000053 ngày 8/12/2021, số 0000052 ngày 8/12/2021, số 0000051 ngày 8/12/2021, số 0000068 ngày 27/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Các bà Bà Nguyễn Thị Trà Nh, bà Nguyễn Thị Hoàng Th3, bà Ngô Thị T2 và ông Nguyễn Phước Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn